

BÁO CÁO
ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 03 THÁNG ĐẦU
NĂM; PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 09 THÁNG CUỐI NĂM 2026

Phần thứ nhất
ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH
03 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Bắc Ninh về dự toán NSNN và phân bổ dự toán NSNN năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Trung Chính về đánh giá kết quả thực hiện dự toán ngân sách năm 2025; Xây dựng dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp xã năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của UBND xã Trung Chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo Báo cáo số 06/BC-KT ngày 06/03/2026 của Phòng Kinh tế.

UBND xã báo cáo số liệu ước thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 03 tháng đầu năm. Phương hướng, nhiệm vụ 09 tháng cuối năm 2026 trên địa bàn xã Trung Chính như sau:

1. Thu Ngân sách Nhà nước.

- Kế hoạch tỉnh giao: 88.876 triệu đồng
- Ước thực hiện 03 tháng đầu năm: 42.461 triệu đồng
- So với KH giao ước đạt: 47,78 %

(Có biểu chi tiết số 01 kèm theo)

- Năm 2026, là năm thứ hai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đảng ủy - HĐND - UBND xã đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn trong phát triển KT-XH. Kết quả điều hành thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước 03 tháng đầu năm 2026 cụ thể như sau:

- Ước thu NSNN 03 tháng đầu năm là 42.461 triệu đồng đạt 47,78% kế hoạch, (Trong đó thu từ thuế, phí, lệ phí không tính tiền đất là: 9.319 triệu đồng đạt 23,97% kế hoạch. Thu tiền sử dụng đất là 33.142 triệu đồng đạt 66,28% kế hoạch).

+ Thuế giá trị gia tăng của cá nhân, hộ gia đình khu vực ngoài quốc doanh ước đạt 17,49% kế hoạch.

+ Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh khu vực ngoài quốc doanh ước đạt 42,79% kế hoạch.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực NQD ước đạt 9,39% kế hoạch.

+ Lệ phí trước bạ ước đạt 19,97% kế hoạch.

2. Chi Ngân sách địa phương

- Kế hoạch tỉnh giao: 240.631 triệu đồng

- Ước thực hiện 03 tháng đầu năm: 38.153 triệu đồng

- So với kế hoạch giao ước đạt: 15,85%

(Có biểu chi tiết số 02 kèm theo)

- Tổng ước chi ngân sách địa phương 03 tháng đầu năm ước đạt 38.153 triệu đồng, ước đạt 15,85% kế hoạch. Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển ước đạt 19,06% kế hoạch do mới thực hiện giải ngân kinh phí chi đầu tư xây dựng cấp tỉnh phân bổ.

+ Chi thường xuyên ước đạt 14,93% kế hoạch, đáp ứng kịp thời chi các nhiệm vụ như chi lương, phụ cấp, chế độ cho con người và các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Về cơ bản, việc điều hành chi đảm bảo đúng Luật, đúng kế hoạch được giao, đáp ứng các chế độ, chính sách cho con người và các hoạt động chi thường xuyên của từng cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách xã. Các cơ quan tài chính, Thuế cơ sở 10, Kho bạc nhà nước thực hiện việc thẩm định, kiểm tra, kiểm soát các khoản thu, chi chặt chẽ, tiết kiệm và có hiệu quả.

3. Chi nguồn dự phòng ngân sách

Nguồn dự phòng ngân sách cấp xã năm 2026: 5.519 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết số 03 kèm theo)

4. Chi nhiệm vụ chung

- Dự toán chi nhiệm vụ chung năm 2026 theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Trung Chính là:

+ Dự toán phân bổ: 23.293 triệu đồng

+ Ước thực hiện 03 tháng đầu năm: 772 triệu đồng

+ Dự toán còn lại: 22.521 triệu đồng

(Có biểu chi tiết số 04 kèm theo)

Phần thứ hai**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 09 THÁNG CUỐI NĂM 2026****1. Về thu Ngân sách nhà nước**

- Phần đầu thu NSNN 09 tháng cuối năm đạt 46.415 triệu đồng.
- Trên cơ sở số thu ngân sách thực hiện 03 tháng đầu năm, để bảo đảm nhiệm vụ thu ngân sách cả năm 2026 đạt dự toán được HĐND xã giao; nhiệm vụ và giải pháp cần thực hiện như sau:

+ Cấp ủy đảng, chính quyền xã cần tập trung chỉ đạo, đôn đốc các khoản thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo đúng kế hoạch giao, đặc biệt quan tâm đến các khoản thu 03 tháng đầu năm đạt tỷ lệ thấp hoặc có khả năng không hoàn thành kế hoạch.

+ Thuế cơ sở 10 tập trung rà soát, phân tích các doanh nghiệp âm thuế và có biện pháp xử lý kịp thời. Tuyên truyền các chế độ chính sách về thuế để người nộp thuế hiểu về quyền và nghĩa vụ khi thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách theo đúng quy định.

+ Thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ, chia sẻ với tổ chức, cá nhân nộp thuế, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh do bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh theo quy định.

+ Thực hiện đôn đốc các tổ chức, cá nhân nộp kịp thời vào ngân sách các khoản phải thu sau kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước và thanh tra, kiểm tra thuế.

+ Các cấp, các ngành tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư quyền sử dụng đất, tạo vốn đầu tư cơ sở hạ tầng cho địa phương hoàn thành kế hoạch tỉnh giao. Tăng cường đẩy mạnh kiểm tra thuế chuyển nhượng bất động sản trên địa bàn, đấu tranh chống thất thu trong hoạt động kinh doanh chuyển nhượng bất động sản. Đồng thời, tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về thuế đối với hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng BĐS cho các tổ chức, cá nhân.

+ Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

+ Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nợ đọng thuế, phí, lệ phí, hạn chế tối đa phát sinh các khoản nợ đọng thuế mới. Đẩy mạnh công tác phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại trên địa bàn.

+ Các cơ quan, đơn vị triển khai đầy đủ, kịp thời Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật. Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất. Tổ chức rà soát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê

duyệt, thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, máy móc, thiết bị bảo đảm theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công. Thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai. Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đấu thầu mua sắm tài sản công.

2. Về chi Ngân sách

- Tổng chi ngân sách địa phương 09 tháng cuối năm dự kiến 215.653 triệu đồng.

* Các giải pháp thực hiện:

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Thông tư số 133/2025/TT- BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2026;

- Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 54/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh; Nghị quyết số 80/NQHĐND ngày 10/12/2025 về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 tỉnh Bắc Ninh; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước; Công văn số 11113/BTC-NSNN của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính - NSNN áp dụng tại cấp xã; các quy định của pháp luật hiện hành.

- Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN.

- Chi đầu tư xây dựng: Các chủ đầu tư thực hiện đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công đã được bố trí trong dự toán, kiên quyết điều chuyển kế hoạch vốn từ các dự án không có hiệu quả, chậm giải ngân sang dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng. Báo cáo đề xuất xử lý đối với những trường hợp vướng mắc gửi về Phòng Kinh tế tổng hợp tham mưu cho UBND xã phương án xử lý.

+ Các chủ đầu tư quyết liệt thực hiện đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công đã được bố trí trong dự toán, nhất là dự án trọng điểm, dự án phục hồi kinh tế; khắc phục các bất cập để giải ngân nhanh hơn; phát huy đầu tư công để kích hoạt, dẫn dắt và thúc đẩy đầu tư.

+ Chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hàng năm, lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành theo đúng thời hạn quy định. Không để xảy ra tình trạng chậm lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công các dự án hoàn thành.

+ Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, phương hướng, giải pháp trong thời gian tới. Chú trọng rà soát, điều chỉnh, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên danh mục dự án hiệu quả, khả năng giải ngân để đầu tư, hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm thực hiện nhanh chóng, tiết kiệm, hiệu quả.

- Chi thường xuyên:

+ Thực hiện quản lý các khoản chi đúng dự toán, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, phân cấp quản lý ngân sách, thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra chặt chẽ các khoản chi từ NSNN, đảm bảo triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách. Thực hiện nghiêm Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2026 của xã.

+ Các đơn vị cần bám sát nguồn thu, dự toán chi để sắp xếp, bố trí hợp lý, hiệu quả, thực hành tiết kiệm chi theo đúng quy định, khắc phục khó khăn do dịch bệnh gây ra. Hạn chế thấp nhất việc bổ sung ngoài dự toán. Không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa có chủ trương ban hành, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phòng chống dịch bệnh, lĩnh vực y tế, giáo dục, an ninh, quốc phòng và tiền lương, không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động các khoản chi cho con người và chính sách đảm bảo xã hội theo chế độ.

+ Chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách và các nguồn lực hợp pháp của địa phương để xử lý các nhiệm vụ chi phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định. Trường hợp phát sinh thêm các khoản chi ngoài dự toán, thu ngân sách không đạt dự toán thì phải chủ động sắp xếp, cắt, giảm, giãn các nhiệm vụ chi đã bố trí dự toán và sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên thực hiện các chính sách, chế độ liên quan đến con người, an sinh xã hội, không để xảy ra tình trạng nợ lương, nợ chính sách.

- Các cơ quan chuyên môn tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát các đơn vị thụ hưởng ngân sách xã trong việc quản lý chi ngân sách theo đúng luật NSNN, đúng dự toán được duyệt. Kho bạc Nhà nước tăng cường trách nhiệm trong công tác kiểm soát chi thanh toán đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước.

- Để kịp thời xử lý, điều hành dự toán chi ngân sách địa phương đảm bảo phát triển kinh tế xã hội đề nghị HĐND xã giao UBND xã chủ động điều hành chi ngân sách và bố trí kinh phí cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao, báo cáo HĐND xã phương án điều chỉnh vào kỳ họp cuối năm.

Trên đây là Báo cáo ước thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 03 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 09 tháng cuối năm 2026 của UBND xã Trung Chính báo cáo Sở Tài chính tổng hợp theo quy định./

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (b/c);
- TT ĐU, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã (đưa tin);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hào

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRUNG CHÍNH

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH 03 THÁNG ĐẦU NĂM
KẾ HOẠCH 09 THÁNG CUỐI NĂM 2026**

(Kèm theo Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2026 của UBND xã Trung Chính)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán 2026		Ước thực hiện 3 tháng đầu năm		So sánh ƯTH/KH	
		Tỉnh giao	NS cấp xã hưởng	Tỉnh giao	NS cấp xã hưởng	Tỉnh giao	NS cấp xã hưởng
	TỔNG THU NSNN	88.876	68.859	42.461	17.763	47,78	25,80
A	Các khoản thu cân đối NSNN	88.876	68.859	42.461	17.763	47,78	25,80
I	Các khoản thu 100%	2.846	2.846	298	298	10,46	10,47
1.1	Phí, lệ phí	24	24	45	45	187,50	187,71
1.2	Thu tại xã	810	810	0	0		
1.3	Thu khác ngân sách	500	500	182	182	36,38	36,38
1.4	Thu tiền cho thuê mặt nước trả tiền hàng năm	0	0	0	0		
1.5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0	0		
1.6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.512	1.512	71	71	4,69	4,69
1.7	Thuế tài nguyên	0	0	0	0		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	86.030	66.013	42.164	17.465	49,01	26,46
1	Các khoản thu phân chia	52.000	44.500	36.584	13.002	70,35	29,22
1.1	Thuế thu nhập cá nhân từ sản xuất kinh doanh của cá nhân	500	500	3.179	1.644	635,89	328,75
1.2	Thuế thu nhập cá nhân từ HĐ chuyển nhượng BĐS	0	0	0	0		
1.3	Thuế thu nhập cá nhân từ tiền công, tiền lương	0	0	0	0		
1.4	Thuế thu nhập cá nhân từ thu khác	0	0	0	0		
1.5	Thuế tiêu thụ đặc biệt của khu vực ngoài quốc doanh	0	0	0	0		
1.6	Thuế giá trị gia tăng của cá nhân, hộ kinh doanh khu vực ngoài quốc doanh	1.500	1.500	262	262	17,49	17,49
1.7	Thu tiền sử dụng đất từ đất dân cư dịch vụ, đất dôi dư, xen kẹt, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất (hộ gia đình, cá nhân)	50.000	42.500	33.142	11.096	66,28	26,11
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	34.030	21.513	5.580	4.463	16,40	20,74
2.1	Thuế giá trị gia tăng khu vực ngoài quốc doanh thu từ doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh	7.500	7.500	3.210	3.210	42,79	42,79
-	Tỉnh thu	-	-				
-	Thuế cơ sở thu	7.500	7.500	3.210	3.210	42,79	42,79
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực ngoài quốc doanh	1.500	1.500	141	141	9,39	9,39
-	Tỉnh thu	0	0	0	0		
-	Thuế cơ sở thu	1.500	1.500	141	141	9,39	9,39
2.3	Thuế thu nhập cá nhân	14.000	7.000	0	0	0,00	-
-	Từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là đất	14.000	7.000	0	0		
-	Thuế thu nhập cá nhân từ tiền công, tiền lương	0	0	0	0		
-	Thu khác	0	0	0	0		
2.4	Lệ phí trước bạ	11.000	5.500	2.196	1.098	19,97	19,97
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	5.000	2.500	1.164	582	23,29	23,29

Số TT	Nội dung	Dự toán 2026		Ước thực hiện 3 tháng đầu năm		So sánh UTH/KH	
		Tính giao	NS cấp xã hưởng	Tính giao	NS cấp xã hưởng	Tính giao	NS cấp xã hưởng
-	Lệ phí trước bạ tài sản	6.000	3.000	1.032	516	17,20	17,20
2.5	Thu tiền cho thuê đất trả tiền hàng năm	30	13	2	0,95	7,43	7,30
2.6	Thu tiền sử dụng đất	0	0	0	0		
-	Đất nhà nước giao	0	0	0	0		
-	Công nhận QSD đất	0	0	0	0		
-	Đất đấu giá tạo vốn	0	0	0	0		
-	Khác	0	0	0	0		
2.7	Thu phí lệ phí	0	0	17	0		
-	Do cơ quan nhà nước thu	0	0	17	0		
-	Lệ phí môn bài	0	0	0	0		
2.8	Thu phạt VPHC	0	0	0	0		
2.9	Thu khác ngân sách	0	0	13,18	13,09		
2.10	Thu tiền cấp tiền khai thác khoáng sản	0	0	0	0		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	0	0	0	0		
	TỔNG THU NS ĐỊA PHƯƠNG	240.631	240.631	135.219	135.219	56,19	56,19
I	Thu NS cấp Xã	240.631	240.631	135.219	135.219	56,19	56,19
1	Thu điều tiết trong cân đối	68.859	68.859	17.763	17.763	25,80	25,80
2	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh, huyện	171.772	171.772	66.891	66.891	38,94	38,94
	- Bổ sung cân đối ngân sách	157.410	157.410	39.354	39.354	25,00	25,00
	- Bổ sung có mục tiêu	14.362	14.362	27.537	27.537	191,73	191,73
3	Các khoản không CE và QL qua NS	0	0	0	0		
4	Thu chuyển nguồn năm trước	0	0	50.566	50.566		
5	Thu hồi các khoản chi năm trước	0	0	0	0		
6	Nguồn CCTL 2025 chuyển sang	0	0	0	0		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRUNG CHÍNH

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 03 THÁNG ĐẦU NĂM
KẾ HOẠCH 09 THÁNG CUỐI NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2026 của UBND xã Trung Chính)

ĐVT: Triệu đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	Dự toán tính giao 2026			Ước Thực hiện 03 tháng đầu năm			So sánh ƯTH/KH giao	
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
	TỔNG SỐ CHI NSDP	240.631	53.643	186.988	38.153	10.227	27.927	19,06	14,94
A	Chi cân đối NSDP	226.269	53.643	172.626	34.562	10.227	24.336	19,06	14,10
I	Chi đầu tư	53.643	53.643	0	10.227	10.227	0	19,06	
1	Chi đầu tư XDCB	10.586	10.586	0	10.227	10.227	0	96,61	
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	40.375	40.375	0	0	0	0		
3	5% tiết kiệm chi đầu tư theo Nghị quyết số 245/NQ-QH	2.682	2.682	0	0	0	0		
II	Chi thường xuyên	162.977	0	162.977	24.336	0	24.336		14,93
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	80.340	0	80.340	11.158	0	11.158		13,89
2	Sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1.341	0	1.341	0	0	0		
3	Chi quốc phòng	3.450	0	3.450	257	0	257		7,44
4	Chi an ninh	8.713	0	8.713	943	0	943		10,82
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	132	0	132	569	0	569		431,27
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.813	0	1.813	23	0	23		1,29
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	236	0	236	0	0	0		
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	581	0	581	0	0	0		
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.806	0	2.806	8	0	8		0,30
10	Chi hoạt động kinh tế	6.024	0	6.024	264	0	264		4,37
11	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	38.004	0	38.004	5.193	0	5.193		13,66

SỐ TT	NỘI DUNG	Dự toán tính giao 2026			Ước Thực hiện 03 tháng đầu năm			So sánh ƯTH/KH giao	
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
12	Chi bảo đảm xã hội	19.537	0	19.537	5.921	0	5.921		30,30
13	Chi khác	0	0	0	0	0	0		
III	Chi tạo nguồn CCTL	4.130	0	4.130	0	0	0		
IV	Dự phòng ngân sách	5.519	0	5.519	0	0	0		
B	Chi từ nguồn BSMT	14.362	0	14.362	3.591	0	3.591		25,00
C	Chi nộp trả NS cấp trên	0	0		0	0	0		

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRUNG CHÍNH

BÁO CÁO NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2026 của UBND xã Trung Chính)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Nguồn kinh phí	5.519	
II	Tổng kinh phí đã chi	0	
III	Tổng kinh phí còn lại	5.519	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRUNG CHÍNH

TỔNG HỢP KINH PHÍ CHI NHIỆM VỤ CHUNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2026 của UBND xã Trung Chính)

ĐVT: Triệu đồng



STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ giao đầu năm	Kinh phí đã phân bổ đến ngày báo cáo	Kinh phí còn lại
1	2	3	4	5
	TỔNG NGUỒN	23.293	772	22.521
I	Chi trong cân đối ngân sách	23.204	772	22.432
1	Chi đầu tư phát triển	0	0	0
-	Chi đầu tư XDCB	0	0	0
-	Chi đầu tư từ thu tiền SD đất	0	0	0
-	Chi từ nguồn bội thu ngân sách địa phương	0	0	0
2	Chi thường xuyên	23.204	772	22.432
-	Chi hoạt động kinh tế	2.850	10	2.840
-	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	700	490	210
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	8.024	0	8.024
-	Chi sự nghiệp y tế	100	20	80
-	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.290	61	1.229
-	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	50	0	50
-	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	500	0	500
-	Đảm bảo xã hội	2.267	64	2.204
-	Chi quản lý hành chính	4.882	127	4.755
-	Chi an ninh	700	0	700
-	Chi quốc phòng	500	0	500
-	Chi khác	0	0	0
-	Chi khoa học và công nghệ	1.341		1.341
II	Chi chương trình mục tiêu	89	0	89
-	Chi lương hợp đồng giáo viên, nhân viên, hành chính ngoài chỉ tiêu biên chế	89	0	89

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2026 của UBND xã Trung Chính)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 03 tháng đầu năm 2026	So sánh %
A	B	1	2	3=2/1
I	Tổng số thu	240.631	135.219	56,2
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	2.846	298	10,5
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	66.013	17.465	26,5
3	Thu bổ sung	171.772	66.891	38,9
-	Bổ sung cân đối ngân sách	157.410	39.354	25,0
-	Bổ sung có mục tiêu	14.362	27.537	191,7
4	Thu chuyển nguồn	0	50.566	
5	Thu CCTL	0	0	
II	Tổng số chi	240.631	38.153	15,9
1	Chi đầu tư phát triển	53.643	10.227	19,1
2	Chi thường xuyên	177.339	27.927	15,7
3	Dự phòng	5.519	0	
4	Chi tạo nguồn CCTL	4.130	0	
5	Chi nộp trả NS cấp trên	0	0	

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2026 của UBND xã Trung Chính)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026		Ước thực hiện 03 tháng đầu năm 2026		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng số thu	88.876	68.859	42.461	17.763	47,8	25,8
I	Các khoản thu 100%	2.846	2.846	298	298	10,5	10,5
1.1	Phí, lệ phí	24	24	45	45	187,5	187,7
1.2	Thu tại xã	810	810	0	0	-	-
1.3	Thu khác ngân sách	500	500	182	182	36,4	36,4
1.4	Thu tiền cho thuê mặt nước trả tiền hàng năm	0	0	0	0		
1.5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0	0		
1.6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.512	1.512	71	71	4,7	4,7
1.7	Thuế tài nguyên		0	0	0		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)						
1	Các khoản thu phân chia	86.030	66.013	42.164	17.465	49,0	26,5
1.1	Thuế thu nhập cá nhân từ sản xuất kinh doanh của cá nhân	52.000	44.500	36.584	13.002	70,4	29,2
1.2	Thuế thu nhập cá nhân từ HĐ chuyển nhượng BĐS	0	0	0	0		
1.3	Thuế thu nhập cá nhân từ tiền công, tiền lương	0	0	0	0		
1.4	Thuế thu nhập cá nhân từ thu khác	0	0	0	0		
1.5	Thuế tiêu thụ đặc biệt của khu vực ngoài quốc doanh	0	0	0	0		
1.6	Thuế giá trị gia tăng của cá nhân, hộ kinh doanh khu vực ngoài quốc doanh	1.500	1.500	262	262	17,5	17,5

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026		Ước thực hiện 03 tháng đầu năm 2026		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
1.7	Thu tiền sử dụng đất từ đất dân cư dịch vụ, đất dôi dư, xen kẽ, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất (hộ gia đình, cá nhân)	50.000	42.500	33.142	11.096	66,3	26,1
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	34.030	21.513	5.580	4.463	16,4	20,7
2.1	Thuế giá trị gia tăng khu vực ngoài quốc doanh thu từ doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh	7.500	7.500	3.210	3.210	42,8	42,8
-	Tỉnh thu	0	0				
-	Thuế cơ sở thu	7.500	7.500	3.210	3.210	42,8	42,8
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực ngoài quốc doanh	1.500	1.500	141	141	9,4	9,4
-	Tỉnh thu	0	0				
-	Thuế cơ sở thu	1.500	1.500	141	141	9,4	9,4
2.3	Thuế thu nhập cá nhân	14.000	7.000	0	0	0,0	-
-	Từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là đất	14.000	7.000				
-	Thuế thu nhập cá nhân từ tiền công, tiền lương	0	0	0	0		
-	Thu khác	0	0	0	0		
2.4	Lệ phí trước bạ	11.000	5.500	2.196	1.098	20,0	20,0
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	5.000	2.500	1.164	582	23,3	23,3
-	Lệ phí trước bạ tài sản	6.000	3.000	1.032	516	17,2	17,2
2.5	Thu tiền cho thuê đất trả tiền hàng năm	30	13	2	1	7,4	7,3
2.6	Thu tiền sử dụng đất	0	0	0	0		
-	Đất nhà nước giao	0	0	0	0		
-	Công nhận QSD đất	0	0	0	0		
-	Đất đấu giá tạo vốn	0	0	0	0		
-	Khác	0	0	0	0		
2.7	Thu phí lệ phí	0	0	0	0		
-	Do cơ quan nhà nước thu	0	0	17	0		
-	Lệ phí môn bài	0	0	17	0		
		0	0	0	0		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026		Ước thực hiện 03 tháng đầu năm 2026		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
2.8	Thu phạt VPHC	0	0	0	0		
2.9	Thu khác ngân sách	0	0	13	13		
2.10	Thu tiền cấp tiền khai thác khoáng sản	0	0	0	0		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	0	0	0	0		
	TỔNG THU NS ĐỊA PHƯƠNG	240.631	240.631	159.917	135.219	66,5	56,2
I	Thu NS cấp Xã	240.631	240.631	159.917	135.219	66,5	56,2
1	Thu điều tiết trong cân đối	68.859	68.859	42.461	17.763	61,7	25,8
	- Thu xã hưởng 100%	2.846	2.846	298	298	10,5	10,5
	- Thu phân chia theo tỷ lệ %	66.013	66.013	42.163	17.465	63,9	26,5
2	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh, huyện	171.772	171.772	66.891	66.891	38,9	38,9
	- Bổ sung cân đối ngân sách	157.410	157.410	39.354	39.354	25,0	25,0
	- Bổ sung có mục tiêu	14.362	14.362	27.537	27.537	191,7	191,7
3	Các khoản không CĐ và QL qua NS	0	0	0	0		
4	Thu chuyển nguồn năm trước	0	0	50.566	50.566		
5	Thu hồi các khoản chi năm trước	0	0	0	0		
6	Nguồn CCTL 2025 chuyển sang	0	0	0	0		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2026 của UBND xã Trung Chính)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026				Ước thực hiện 03 tháng đầu năm 2026				So sánh (%)					
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên			
		1	2	3		4	5	6		7=4/1	8=5/2	9=6/3			
A	B														
	Tổng số chi	240.631	53.643	186.988		38.153	10.227	27.926		15,9	19,1		14,9		
A	Chi cân đối NSDP	226.269	53.643	172.626		34.562	10.227	24.336		15,3	19,1		14,1		
I	Chi đầu tư	53.643	53.643	0		10.227	10.227	0		19,1	19,1				
1	Chi đầu tư XD CB	10.586	10.586	0		10.227	10.227	0		96,6	96,6				
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	40.375	40.375	0		0	0	0		-	-				
3	5% tiết kiệm chi đầu tư theo Nghị quyết số 245/NQ-QH	2.682	2.682	0		0	0	0		-	-				
II	Chi thường xuyên	162.977	0	162.977		24.336	0	24.336		14,9			14,9		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	80.340	0	80.340		11.158	0	11.158		13,9			13,9		
2	Sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1.341	0	1.341		0	0	0		-			-		
3	Chi quốc phòng	3.450	0	3.450		257	0	257		7,4			7,4		
4	Chi an ninh	8.713	0	8.713		943	0	943		10,8			10,8		
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	132	0	132		569	0	569		431,3			431,3		
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.813	0	1.813		23	0	23		1,3			1,3		
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	236	0	236		0	0	0		-			-		
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	581	0	581		0	0	0		-			-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026			Ước thực hiện 03 tháng đầu năm 2026			So sánh (%)		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	2.806	0	2.806	8	0	8	0,3	0,3	0,3
10	Chi hoạt động kinh tế	6.024	0	6.024	264	0	264	4,4	4,4	4,4
11	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	38.004	0	38.004	5.193	0	5.193	13,7	13,7	13,7
12	Chi bảo đảm xã hội	19.537	0	19.537	5.921	0	5.921	30,3	30,3	30,3
13	Chi khác	0	0	0	0	0	0			
III	Chi tạo nguồn CCTL (1)	4.130	0	4.130	0	0	0	-	-	-
IV	Dự phòng ngân sách	5.519	0	5.519	0	0	0	-	-	-
B	Chi từ nguồn BSMT	14.362	0	14.362	3.591	0	3.591	25,0	25,0	25,0
C	Chi nộp trả NS cấp trên	0	0	0	0	0	0			

